

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng;

2. Ông Trần Hoài Duy.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Đức Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh N.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh N tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 675/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 28 Đường số 18 Đường Điện Biên Phủ, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh N.

Nơi ở hiện nay: Tổ 7 ấp T, xã B, huyện X, tỉnh B.

*** Bị đơn:** anh Trương Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: số nhà 28 Đường số 18 Đường Điện Biên Phủ, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh N.

Chị E và anh H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N trình bày:

Chị và anh H chung sống từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đ. Vợ chồng sống chung đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể hàn

gắn được dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 6-2024 cho đến nay, Nay chị không còn tình cảm với Hiệp nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung Nguyễn Ngọc Tường V, sinh năm 2015, ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung hai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến và yêu cầu của bị đơn anh Trương Văn H trình bày:*

Anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh N phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tuyết N với anh Trương Văn H. Về con chung: giao con chung là cháu Trương Ngọc Tường Vy, sinh năm 2015 cho chị Trần Thị Tuyết N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, chị nhận chị E không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị E phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Tuyết N, anh Trương Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Trần Thị Tuyết N và anh Trương Văn H chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đ nên hôn nhân của chị E và anh H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị E thì hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ, không hàn gắn được. Anh H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt thể hiện không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị E. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết N với anh Trương Văn H.

[3] Về con chung: xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị E thì thấy rằng, anh chị 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh năm 2015. Từ ngày anh chị ly thân con chung sống chung với chị E, nay anh chị ly hôn, con chung cũng có nguyện vọng muốn sống chung với chị E. Do đó chấp nhận yêu cầu của anh chị E về con chung, giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh năm 2015 cho chị E tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ghi nhận chị E không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị E, anh H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh N là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tuyết N với anh Trương Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh năm 2015 cho chị Trần Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị E không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị E, anh H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị E đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0003888 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh N, chị E đã thi hành xong tiền án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND thành phố T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

Nguyễn Thị Cẩm Ly